VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Về Công tác dân tộc

Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 3 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

2. Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc[1]*,*

---

[1] Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc.

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các hoạt động về công tác dân tộc nhằm đảm bảo và thúc đẩy sự bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển, tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hóa của các dân tộc cùng chung sống trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước khi thực hiện công tác dân tộc; tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài khi tham gia thực hiện chính sách dân tộc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Các nguyên tắc cơ bản của công tác dân tộc

1. Thực hiện chính sách dân tộc theo nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển.

2. Đảm bảo và thực hiện chính sách phát triển toàn diện, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Đảm bảo việc giữ gìn tiếng nói, chữ viết, bản sắc dân tộc, phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mỗi dân tộc.

4. Các dân tộc có trách nhiệm tôn trọng phong tục, tập quán của nhau, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Công tác dân tộc*" là những hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc nhằm tác động và tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc thiểu số cùng phát triển, đảm bảo sự tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

2. "*Dân tộc thiểu số*" là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. "*Dân tộc đa số*" là dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng dân số của cả nước, theo điều tra dân số quốc gia.

4.[2] *"Vùng đồng bào dân tộc thiểu số"* là địa bàn cấp tỉnh, cấp xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ổn định; thôn, bản, làng, phum, sóc, xóm, ấp và tương đương (sau đây gọi chung là thôn) có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ổn định thành cộng đồng.

5. "*Dân tộc thiểu số rất ít người*" là dân tộc có số dân dưới 10.000 người.

6.[3] ***(được bãi bỏ).***

Điều 4a. Phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo trình độ phát triển[4]

1. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số được phân định theo trình độ phát triển theo các tiêu chí, trình tự, thủ tục, hồ sơ do cấp có thẩm quyền quy định trong từng thời kỳ.

2. Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 (trước đó, khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024).

[3] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[4] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

Điều 4b. Tiêu chí xác định dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù[5]

1. Dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù được xác định theo các tiêu chí, trình tự, thủ tục, hồ sơ do cấp có thẩm quyền quy định trong từng thời kỳ.

2. Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 5. Xác định thành phần dân tộc

Mỗi dân tộc có tên gọi riêng, xác định theo tiêu chí được pháp luật công nhận, phù hợp với nguyện vọng của đồng bào dân tộc. Thành phần dân tộc do cơ quan có thẩm quyền quyết định và công bố theo quy định của pháp luật.

Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản triển khai thực hiện nội dung quy định tại Điều này[6].

Điều 6. Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số

1. Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam được tổ chức định kỳ 10 năm một lần.

2.[7] Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp xã được tổ chức định kỳ 05 năm một lần.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Mọi hành vi kỳ thị, phân biệt đối xử, chia rẽ, phá hoại đoàn kết các dân tộc.

---

[5] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[6] Nội dung này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

1a.[8] Lợi dụng, kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi.

2. Lợi dụng các vấn đề về dân tộc để tuyên truyền xuyên tạc, chống lại đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Lợi dụng việc thực hiện chính sách dân tộc, quản lý nhà nước về công tác dân tộc để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

4. Các hành vi khác trái với quy định của Chính phủ.

Chương II
CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

Điều 8. Chính sách đầu tư và sử dụng nguồn lực

1. Kinh phí thực hiện các chính sách dân tộc được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số[9], xóa đói, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách giữa vùng dân tộc với các vùng khác.

2. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý nguồn lao động là người dân tộc thiểu số tại chỗ, có chế độ đãi ngộ hợp lý.

3. Khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số[10] và đầu tư trở lại phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, đưa khoa học và công nghệ tiên tiến vào sản xuất nhằm nâng cao đời sống của đồng bào vùng đồng bào dân tộc thiểu số[11].

---

[8] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[9] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[10] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[11] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

5. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành, địa phương liên quan quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung Điều này.

Điều 9. Chính sách đầu tư phát triển bền vững

1. Đảm bảo việc đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số[12]; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, bảo vệ môi trường sinh thái, phát huy tinh thần tự lực, tự cường của các dân tộc.

2. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số[13]; ưu tiên đặc biệt đối với dân tộc thiểu số rất ít người và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; chú trọng đào tạo nghề, sử dụng lao động là người tại chỗ, đảm bảo thu nhập ổn định, xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng khác.

3. Khôi phục và phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số, phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường.

4. Chủ đầu tư các dự án quy hoạch, xây dựng có ảnh hưởng tới đất đai, môi trường, sinh thái và cuộc sống của đồng bào các dân tộc, phải công bố công khai và lấy ý kiến của nhân dân nơi có công trình, dự án được quy hoạch, xây dựng quy định của pháp luật; tổ chức tái định cư, tạo điều kiện để người dân đến nơi định cư mới có cuộc sống ổn định tốt hơn nơi ở cũ.

Chính quyền ở nơi có người đến định cư có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư đảm bảo định canh, định cư lâu dài, tạo điều kiện để đồng bào ổn định cuộc sống.

5. Thực hiện quy hoạch, sắp xếp các điểm dân cư tập trung một cách hợp lý đối với những địa bàn khó khăn, đảm bảo cho đồng bào phát triển sản xuất phù hợp với đặc điểm dân tộc, vùng miền.

6. Thực hiện các chương trình, đề án xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, giải quyết cơ bản vấn đề vốn, đất ở, đất sản xuất, công cụ sản xuất cho nông dân thiếu đất, nhà ở, nước sinh hoạt, hỗ trợ phát triển kinh tế, giao đất, giao rừng cho

---

[12] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[13] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

hộ gia đình ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số[14], chuyển dịch cơ cấu lao động, ngành nghề, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững.

7. Tổ chức phòng, chống thiên tai và ứng cứu người dân ở vùng bị thiên tai, lũ lụt.

8. Có chính sách hỗ trợ kịp thời những dân tộc thiểu số có khó khăn đặc biệt để ổn định và phát triển

9. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung Điều này.

Điều 10. Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo

1. Phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số[15] theo chương trình chung quốc gia; xây dựng chính sách giáo dục ở tất cả các cấp học phù hợp với đặc thù dân tộc.

2. Phát triển trường mầm non, trường phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, trường dạy nghề, trường dự bị đại học; nghiên cứu hình thức đào tạo đa ngành bậc đại học cho con em các dân tộc thiểu số để đẩy nhanh việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

3. Quy định các điều kiện và biện pháp cụ thể, phù hợp để hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; giải quyết chỗ ở, học bổng và cho vay vốn trong thời gian học tập phù hợp với ngành nghề đào tạo và địa bàn cư trú của sinh viên dân tộc thiểu số.

Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được miễn học phí ở tất cả các cấp học, ngành học.

---

[14] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[15] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

4. Đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số[16] phù hợp với đặc điểm từng vùng, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

5. Quy định việc hỗ trợ giáo viên giảng dạy tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; đào tạo giáo viên là người dân tộc thiểu số và giáo viên dạy tiếng dân tộc.

6. Tiếng nói, chữ viết và truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc được đưa vào chương trình giảng dạy trong các trường phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học phù hợp với địa bàn vùng dân tộc.

7. Chính quyền địa phương, nơi có con em dân tộc thiểu số thi đỗ vào Đại học, Cao đẳng và sinh viên được cử đi học hệ cử tuyển, có trách nhiệm tiếp nhận và phân công công tác phù hợp với ngành nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp.

8. Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung Điều này.

Điều 11. Chính sách cán bộ người dân tộc thiểu số

1. Cán bộ người dân tộc thiểu số có năng lực và đủ tiêu chuẩn phù hợp quy định của pháp luật, được bổ nhiệm vào các chức danh cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý các cấp.

Ở các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số[17], nhất thiết phải có cán bộ chủ chốt người dân tộc thiểu số.

2. Đảm bảo tỷ lệ hợp lý cán bộ người dân tộc thiểu số, ưu tiên cán bộ nữ, cán bộ trẻ tham gia vào các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp.

---

[16] Cụm từ "đồng bào vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[17] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

3. Các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, sử dụng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số.

4. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung Điều này.

Điều 12. Chính sách đối với người có uy tín, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong đồng bào dân tộc thiểu số[18]

1. Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được bồi dưỡng, tập huấn, cung cấp thông tin, hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần, được khen thưởng, biểu dương, tôn vinh, thăm hỏi, tiếp đón và được hưởng các chế độ, ưu đãi khác để phát huy vai trò trong việc thực hiện chính sách dân tộc ở địa bàn dân cư, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Định kỳ 5 năm, đột xuất tổ chức các hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh đối với người có uy tín và các điển hình tiên tiến trong đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Ủy ban Dân tộc tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết khoản 1 Điều này; ban hành văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 12a. Chi thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà, động viên, gặp mặt đối với một số đơn vị, cá nhân là người dân tộc thiểu số[19]

1. Đối tượng thụ hưởng

a) Nguyên lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước là người dân tộc thiểu số;

b) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, chiến sỹ cách mạng tiêu biểu, sĩ quan lực lượng vũ trang có quân hàm cấp tướng đã nghỉ hưu là người dân tộc thiểu số;

---

[18] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[19] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

c) Nguyên Lãnh đạo ban, bộ, ngành Trung ương là người dân tộc thiểu số; nguyên Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là người dân tộc thiểu số;

d) Nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú, giáo sư, phó giáo sư là người dân tộc thiểu số;

đ) Bí thư chi bộ, trưởng thôn, nông dân sản xuất giỏi, chức sắc, chức việc tôn giáo là người dân tộc thiểu số có đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

e) Người dân tộc thiểu số đạt giải thưởng cấp quốc tế và quốc gia;

g) Hộ dân tộc thiểu số nghèo sinh sống tại các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

h) Người dân tộc thiểu số, hộ dân tộc thiểu số ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc khó khăn đột xuất khác;

i) Ủy ban nhân dân các xã đặc biệt khó khăn, đơn vị lực lượng vũ trang, trạm y tế, cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học có thành tích, đóng góp cho công tác dân tộc và sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

k) Đoàn đại biểu người dân tộc thiểu số do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh được ủy quyền thành lập đến thăm và làm việc với Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ủy ban Dân tộc.

2. Nội dung và mức chi

a) Thăm hỏi, tặng quà các đối tượng tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này. Mức chi tối đa: 5.000.000 đồng/người/lần; không quá 10.000.000 đồng/người/năm;

b) Chúc mừng, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên Đán, Tết hoặc Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số, nhân dịp Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ủy ban Dân tộc đi thăm, làm việc tại các địa phương đối với đối tượng quy định tại điểm d, đ, e khoản 1 Điều này. Mức chi tối đa: 1.000.000 đồng/người/lần; không quá 3.000.000 đồng/người/năm;

c) Thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên Đán, Tết hoặc Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số, nhân dịp Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ủy ban Dân tộc đi thăm, làm việc tại các địa phương đối với đối tượng quy định tại điểm g của khoản 1

Điều này; thăm hỏi, động viên, tặng quà đối với đối tượng quy định tại điểm h khoản 1 Điều này. Mức chi tối đa: 1.000.000 đồng/người, hộ/lần; không quá 3.000.000 đồng/người, hộ/năm;

Riêng thăm hỏi, động viên đối với đối tượng quy định tại điểm h khoản 1 Điều này bị thiệt hại về người, mức chi: 5.000.000 đồng/hộ/lần; không quá 10.000.000 đồng/hộ/năm;

d) Thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà các đối tượng quy định tại điểm i khoản 1 Điều này. Mức chi tối đa: 20.000.000 đồng/đơn vị, tổ chức/lần/năm;

đ) Tổ chức gặp mặt đoàn đại biểu, tặng quà các cá nhân trong đoàn quy định tại điểm k khoản 1 Điều này. Mức chi tặng quà tối đa: 1.000.000 đồng/người/năm; nội dung, mức chi khác theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ tiếp khách trong nước.

3. Lãnh đạo Đảng, Nhà nước thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà, động viên, gặp mặt các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này theo đề xuất của Ủy ban Dân tộc; Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà, động viên, gặp mặt các đối tượng quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k của khoản 1 Điều này.

4. Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện các quy định tại điểm đ, h, i, k khoản 1 Điều này.

Điều 13. Chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa

1. Hỗ trợ việc sưu tầm, nghiên cứu, bảo vệ, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

2. Hỗ trợ việc giữ gìn và phát triển chữ viết của các dân tộc có chữ viết. Các dân tộc thiểu số có trách nhiệm gìn giữ văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Xây dựng, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; hỗ trợ việc đầu tư, giữ gìn, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa đã được Nhà nước xếp hạng.

4. Đồng bào dân tộc thiểu số được ưu đãi, hưởng thụ văn hóa; hỗ trợ xây dựng, khai thác sử dụng có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Bảo tồn, phát huy các lễ hội truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc, định kỳ tổ chức ngày hội văn hóa - thể thao dân tộc theo từng khu vực hoặc từng dân tộc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Điều 14. Chính sách phát triển thể dục, thể thao vùng đồng bào dân tộc thiểu số[20]

1. Bảo tồn và phát triển các môn thể dục, thể thao truyền thống của các dân tộc.

2. Đầu tư xây dựng và hỗ trợ các hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm tập luyện thể dục thể thao ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số[21].

Điều 15. Chính sách phát triển du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số[22]

Tập trung hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch gắn với bảo vệ môi trường, sinh thái; hỗ trợ quảng bá, đa dạng hóa các loại hình, các sản phẩm du lịch, khai thác hợp lý các tiềm năng, danh lam thắng cảnh, phát triển du lịch.

Điều 16. Chính sách y tế, dân số

1. Đảm bảo đồng bào các dân tộc thiểu số được sử dụng các dịch vụ y tế; thực hiện chương trình chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm y tế cho đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

2. Tập trung xây dựng, củng cố, mở rộng cơ sở y tế, khám chữa bệnh; bảo đảm thuốc phòng và chữa bệnh cho đồng bào các dân tộc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

3. Hỗ trợ việc bảo tồn, khai thác, sử dụng những bài thuốc dân gian và phương pháp chữa bệnh cổ truyền có giá trị của đồng bào các dân tộc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

4. Bảo đảm nâng cao chất lượng dân số, phát triển dân số hợp lý của từng dân tộc theo quy định của pháp luật.

---

[20] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[21] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[22] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

5. Đẩy mạnh sự nghiệp xã hội hóa y tế, thực hiện chính sách ưu tiên đối với các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động đầu tư, phát triển y tế ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số[23].

6. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung Điều này.

Điều 17. Chính sách thông tin - truyền thông

1. Đầu tư phát triển thông tin - truyền thông vùng đồng bào dân tộc thiểu số[24], cung cấp một số phương tiện thiết yếu nhằm đảm bảo quyền tiếp cận và hưởng thụ thông tin.

2. Xây dựng, củng cố hệ thống thông tin tình hình dân tộc và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc.

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân tộc; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, thiên tai, lũ lụt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số[25].

3.[26] Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

4.[27] Tăng cường và nâng cao hiệu quả sử dụng ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở.

---

[23] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

24 Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[25] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[26] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

5.[28] Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 18. Chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý

1.[29] Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng các dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật.

2. Chính quyền các cấp có trách nhiệm xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý phù hợp với từng đối tượng và địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số[30].

3. Sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng, đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số.

3a.[31] Xây dựng và tăng cường đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ người thực hiện, người hỗ trợ hoạt động trợ giúp pháp lý, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hoà giải viên ở cơ sở tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó ưu tiên đối tượng là người dân tộc thiểu số, người biết tiếng dân tộc thiểu số để kịp thời trợ giúp pháp lý, phổ biến, giáo dục pháp luật và hoà giải ở cơ sở cho đồng bào dân tộc thiểu số.

---

[28] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[29] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[30] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[31] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

4.[32] Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện nội dung quy định tại khoản 1, 3, 3a và nội dung trợ giúp pháp lý tại khoản 2 Điều này. Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án phổ biến giáo dục pháp luật tại khoản 2 Điều này.

Điều 19. Chính sách bảo vệ môi trường, sinh thái

1. Sử dụng, khai thác và phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường, sinh thái vùng đồng bào dân tộc thiểu số[33] theo quy định của pháp luật.

2. Bảo vệ, cải tạo và đảm bảo cho vùng có tài nguyên được đầu tư trở lại phù hợp.

3. Tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào ở vùng có tài nguyên để nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, sinh thái, đa dạng sinh học.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung Điều này.

Điều 20. Chính sách quốc phòng, an ninh

1. Xây dựng, củng cố, quốc phòng, an ninh ở các địa bàn xung yếu, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị và giữ vững trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số[34].

2. Cơ quan nhà nước, đồng bào các dân tộc ở vùng biên giới và hải đảo có trách nhiệm cùng các cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và chính quyền địa phương bảo vệ đường biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội và tăng cường quan hệ hữu nghị với nhân dân các nước láng giềng ở vùng biên giới và hải đảo theo quy định của pháp luật.

---

[32] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[33] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[34] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

Chương III
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

Điều 21. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc

1. Ban hành và chỉ đạo thực hiện chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch, kế hoạch, chính sách về lĩnh vực công tác dân tộc.

2.[35] Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về công tác dân tộc; xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc, cơ chế đặc thù thực hiện chính sách dân tộc, các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến cơ sở; thực hiện phân công, phân cấp có hiệu quả trong lĩnh vực công tác dân tộc.

4. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số[36].

5.[37] Kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chính sách, chương trình, dự án ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; việc chấp hành pháp luật về công tác dân tộc, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; theo dõi, nắm tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác dân tộc theo quy định của pháp luật.

6. Tuyên truyền, giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước bằng nhiều biện pháp, hình thức để đồng bào các dân tộc hiểu rõ và chủ động tham gia vào quá trình thực hiện.

---

[35] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[36] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[37] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

Tuyên truyền về truyền thống đoàn kết của các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tổ chức tốt các phong trào tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc trong cộng đồng. Tổ chức hoạt động kết nghĩa giữa các địa phương nhằm tương trợ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết khó khăn trong cuộc sống.

7.[38] Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống cơ quan nhà nước, nhất là trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc.

8.[39] Xây dựng cơ sở dữ liệu về vùng đồng bào dân tộc thiểu số để phục vụ công tác dự báo, hoạch định, xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc.

9.[40] Thẩm định chương trình, chính sách, đề án, dự án liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng các dân tộc thiểu số.

10. Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn tình hình công tác dân tộc, chiến lược công tác dân tộc, chính sách dân tộc, quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc.

11.[41] Hợp tác quốc tế về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc, phối hợp với các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế trong việc nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về công tác dân tộc; khuyến khích việc giúp đỡ, hỗ trợ đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó

---

[38] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[39] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[40] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[41] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

khăn và đặc biệt khó khăn thực hiện tốt công tác dân tộc và chính sách dân tộc theo quy định của pháp luật.

12.[42] Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kịp thời biểu dương, tôn vinh, động viên người tiêu biểu có uy tín, doanh nhân, nhà khoa học trong cộng đồng các dân tộc thiểu số có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 22. Cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong phạm vi cả nước.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân tộc theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương theo quy định của pháp luật.

5.[43] Cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo được tổ chức từ cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp xã.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc thực hiện quản lý nhà nước về công tác dân tộc và giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác dân tộc trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

---

[42] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 9 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[43] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2.[44] Xây dựng, ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công tác do bộ, ngành quản lý để áp dụng đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số rất ít người, dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù, hộ dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc quyền quản lý.

3. Định kỳ 06 tháng, năm gửi báo cáo về tình hình công tác dân tộc, kết quả thực hiện chính sách dân tộc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước do bộ, ngành chủ trì và gửi Ủy ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác về công tác dân tộc theo sự phân công của Chính phủ.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban Dân tộc

1.[45] Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hoạch định, xây dựng, đề xuất hoặc tham gia thẩm định, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, tuyên truyền, vận động việc thực hiện chính sách dân tộc; là đầu mối thống nhất theo dõi, tổng hợp các chính sách dân tộc, tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác dân tộc và giải quyết những vấn đề có liên quan công tác dân tộc. Định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện chính sách dân tộc và công tác dân tộc.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chính phủ giao.

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và các quy định tại Nghị định này ở địa phương.

---

[44] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[45] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

2.[46] Hằng năm, xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình công tác dân tộc. Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và chính sách dân tộc; theo dõi, nắm tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn quản lý; tổ chức, chỉ đạo thực hiện biện pháp bảo đảm các điều kiện cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án của địa phương đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số[47], vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ 06 tháng, năm báo cáo về tình hình dân tộc, kết quả thực hiện chính sách dân tộc và công tác dân tộc ở địa phương mình gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp chung, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 26. Phối hợp thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc

Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phối hợp với Ủy ban Dân tộc, các bộ, ngành liên quan giám sát, tuyên truyền, vận động thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc quy định tại Nghị định này.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[48]

---

[46] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[47] Cụm từ "vùng dân tộc thiểu số" được thay thế bởi cụm từ "vùng đồng bào dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

[48] Điều 3 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

2. Các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã được cấp có thẩm quyền phân định theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025 tiếp tục được thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách đối với xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Nghị định này đến khi có quy định thay thế của cấp có thẩm quyền.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 3 năm 2011.

2. Các quy định liên quan đến công tác dân tộc trái với quy định tại Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 28. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

1. Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc triển khai thực hiện Nghị định này[49]; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan có trách nhiệm quy định chi tiết và

---

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.".

Điều 24 Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

*"**Điều 24. Hiệu lực thi hành***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định này.

3. Trong thời gian Nghị định này có hiệu lực thi hành, nếu trong Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan được ban hành và hiệu lực trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở về trước có quy định khác về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục so với quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

4. Trường hợp các Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ được ban hành và có hiệu lực sau ngày 01 tháng 7 năm 2025 có quy định khác về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục so với quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại văn bản đó.".

[49] Nội dung "Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các Điều 5, 12, khoản 5 Điều 22" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc triển khai thực hiện Nghị định này" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

hướng dẫn thi hành các Điều 13, 14, 15, các điều khoản cần thiết khác của Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Số: 04/VBHN-BDTTG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2025

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn